

LUẬN A TỶ ĐẠT MA THUẬN CHÁNH LÝ

QUYỂN 65

Phẩm 6: NÓI VỀ HIỀN THÁNH (PHẦN 9)

Y theo quả vị Bất hoàn, trong các Khế kinh, dùng nhiều môn để kiến lập sự sai khác.

Nay, kể nên nói về sự sai khác đó. Tụng rằng:

*Trung, sinh, hữu hành này
Vô hành, nhập Niết-bàn
Thượng lưu, nếu tu tạp
Đến được Sắc cứu cánh
Vượt nửa, vượt khắp mất
Còn, đều đến Hữu danh
Hành Vô sắc có bốn
Trụ đây nhập Niết-bàn.*

Luận nói: Người Bất hoàn này nói chung có bảy. Vả lại, sự sai khác ấy của cõi hành Sắc có năm:

1. Trung nhập Niết-bàn.
2. Sinh nhập Niết-bàn.
3. Hữu hành nhập Niết-bàn.
4. Vô hành nhập Niết-bàn.
5. Thượng lưu.

Đây là chỉ ở trung gian nhập Niết-bàn. Vì nói về hành ấy nên gọi là Trung nhập Niết-bàn. Như thế thuận theo biết, Bất hoàn đối với sinh rồi, do có hành, do vô hành mà nhập (bát) Niết-bàn, gọi là Sinh nhập v.v... Vì thượng lưu này, nên gọi là Thượng lưu.

Nói Trung nhập, nghĩa là có một loại Bồ-đặc-già-la, đã đối với kết sinh, được phi trạch diệt, khởi kết. Nếu không vậy, Bồ-đặc-già-la kia ở cõi Dục, gặp phải duyên bức não, bị bức não, bèn tự cố gắng Tu đạo đoạn kết khác, bằng gia hạnh vượt hơn. Gia hạnh chưa mãn, gặp

duyên mà bỏ mạng, dẫn đến mạng chung. Do khởi lực kết thọ trung hữu cội Sắc. Vì nhàm chán nhiều khổ, nên nhân trước kia khởi đạo, tiến tới đoạn kết còn lại, thành A-la-hán chứng đắc nhập Niết-bàn.

Nói Sinh nhập, nghĩa là có một loại Bồ-đặc-già-la do trước kia, đã tạo đủ, thuận khởi nghiệp sinh, và vì tăng trưởng, nên mất ở cội Dục rồi, thọ sinh ở cội Sắc. Do siêng tu đầy đủ, tiến đạo nhanh chóng, nên sau khi sinh không bao lâu, chứng quả A-la-hán, hết tuổi thọ mới nhập Niết-bàn. Căn cứ hữu dư y nói là Sinh nhập, không phải vừa sinh rồi, liền nhập vô dư vì đối với xả tuổi thọ người kia chưa đạt được tự tại.

Nói Hữu hành nhập, Vô hành nhập, nghĩa là có một Bồ-đặc-già-la, sinh rồi, qua nhiều thời gian mới thành Vô học, trong đó có một tánh chất mạnh mẽ, tinh tiến, có một tánh bầm sinh trở nải, lười biếng. Như thứ lớp, gọi là Hữu hành, Vô hành. Nghĩa là một loại trước, trong cội Dục, dựa vào gia hạnh không ngừng nghỉ, do năng lực Tam-ma-địa, dứt trừ năm kết phần dưới, chứng quả Bất hoàn. Sau, sinh cội Sắc, trải qua nhiều thời gian lại tiến tu chủng loại đạo trước kia, thành A-la-hán gọi là Hữu hành nhập. Vô hành nhập trái với đây. Hoặc sinh cội Sắc, trải qua nhiều thời gian rồi, dựa vào khổ hạnh, giải thoát kết khác, gọi là Hữu hành nhập vì sự tu tập đó, dựa vào đạo công dụng nhập Niết-bàn. Trái với đây, gọi là Vô hành nhập.

Há không là chỗ y chỉ của Trung nhập, Sinh nhập, Hiện nhập, thì Hành cũng có y chỉ này, nên lập ra danh từ Hữu hành, Vô hành nhập phải không ?

Không có lỗi như thế. Nghĩa này dù bình đẳng, nhưng chúng đều có vị sai khác, nghĩa là Trung nhập v.v... mặc dù cũng quyết định dựa vào khổ hạnh, lạc hạnh, nhằm giải thoát kết còn lại, nhưng chúng đều có phần vị không đồng. Đối lập với bất đồng này, gọi là sự sai khác không chung. Sự sai khác không chung này có phần vị riêng như thế. Căn cứ ở dứt không đồng biểu thị sự sai khác của chúng. Làm sao đem sự sai khác này so sánh với sai khác kia sao cho đồng, nên đối với nghĩa đã biện luận trong đây không có lỗi.

Do đó, có thuyết nói có hai sai khác. Nghĩa là do duyên Thánh đạo hữu vi, vô vi, như thứ lớp đó được Niết-bàn, nên biết cũng vô dư, đồng với lỗi này.

Vấn nạn này của Kinh chủ đã phạm lỗi lớn, vì đã khéo chung nghĩa Hành này dù đồng nhưng nhập kia đều có sự sai khác. Tuy nhiên, có kinh nói Vô hành ở trước, cũng có trong kinh, trước nói Hữu hành? Thời gian vốn đã không khác thì tùy theo cách nói đều không có trái. Vì Hữu

hành đáng tôn trọng, nên ta nói trước.

Nói Thượng lưu, nghĩa là một loại Bồ-đặc-già-la, hành Thượng lưu tăng, không phải chỗ ban đầu, liền chứng viên tịch. Nghĩa là mất ở cõi Dục, sinh qua cõi Sắc, trong đó chưa chứng viên tịch liền, phải chuyển sinh phương trên nhập Niết-bàn, tức sự sai khác của Thượng lưu này có hai, do vì nhân và quả có sai khác.

Nhân sai khác. Đây là đối với tĩn lự, do tu có tạp và không tạp. Cho nên dẫn đến quả sai khác. Tức tu tạp thì lên Trời Sắc cứu cánh mới nhập Niết Bàn, còn tu không tạp thì lên trời Hữu Đảnh. Tức hành giả tu tạp có thể cảm quả ở Trời Tịnh Cư và có ba loại sai biệt: Siêu việt hoàn toàn, siêu việt phân nửa, mất khắp.

Nói siêu việt hoàn toàn: Nghĩa là từ một xứ trong cõi Sắc mất, qua đến Sắc cứu cánh, do người kia trước đã ở trong thân cõi Dục, đã đủ tu tạp bốn tĩn lự, gặp duyên lùi mất ba tĩn lự trên, do duyên vị ái của sơ tĩn lự nên khi qua đời sinh lên trời Phạm chúng. Do thế lực của tập quán ở đời trước, lại có thể tu tập tĩn lự thứ tư, từ xứ đó mất, sinh lên Sắc cứu cánh. Do mười sáu xứ sở cõi Sắc, mất từ xứ sở đầu tiên, sinh ở xứ sở sau cuối, nhanh chóng vượt qua các cõi trung gian, là nghĩa siêu việt hoàn toàn.

Nói siêu việt phân nửa: Nghĩa là trong cõi Sắc, từ vị trời đầu tiên v.v..., mất dần từ cõi dưới đến trung gian, có thể vượt qua một xứ mới có khả năng đi đến trời Sắc cứu kính. Siêu việt mà không phải hoàn toàn nghĩa là siêu việt phân nửa.

Nói mất khắp: Nghĩa là vì vị ái của cõi Sắc nhiều, nên sinh tất cả xứ, do ái kia khắp mười sáu xứ sở ở bốn địa tĩn lự, mỗi tĩn lự đều có vị ái của cõi dưới v.v... Vì chiêu cảm duyên sinh từ trời Phạm chúng, mỗi mỗi chỗ sinh, mất rồi đến Sắc cứu kính mới nhập Niết-bàn, nên gọi mất khắp.

Do nghĩa này, căn cứ trong sơ tĩn lự, nơi cư trú của Đại phạm, không phải là xứ riêng, tức là thuộc Phạm phụ thiên thứ hai. Nếu khác với đây, thì chỗ ở của Đại phạm, vì xứ tà kiến, vì một đạo sư, sẽ không có bậc Thánh, thọ sinh ở trong đó mất khắp, siêu việt phân nửa, lẽ ra không có sai khác, nên biết đây là trong hai Thượng lưu, do có tu tạp nhập nhân tĩn lự, nên đi đến Sắc Cứu Cánh, nhập Niết-bàn, những người khác đối với tĩn lự, không có tu tạp, hay qua đến Hữu đảnh mới nhập Niết-bàn. Nghĩa là người cõi Sắc kia, trước không có tu tạp tĩn lự, do vị ái định làm duyên. Mất khắp ở đây, sinh các xứ cõi Sắc, chỉ không thể lên năm tầng trời Tịnh cư, qua đời cõi Sắc, ở ba theo thứ lớp sinh Vô

sắc, rồi, về sau sinh Hữu Đảnh mới nhập Niết-bàn.

Trong hai Thượng lưu thì loại trước là hạnh quán, sau là hạnh chỉ, vì ưa thích tuệ, định có khác.

Hai Thượng lưu. ở trong địa dưới được nhập Niết-bàn, cũng không trái lý, mà nói Thượng lưu này đi qua trời Sắc Cứu Cánh và trời Hữu Đảnh, là dựa vào xứ cùng cực mà nói, không có người Bất hoàn, đối với xứ đã sinh, thọ sinh lần thứ hai. Do Thượng lưu kia đối với sự sinh, chấp nhận câu Thắng tiến, không có bằng nhau, thua kém. Chỉ mất ở cõi Dục, đi đến sinh cõi Sắc là có trung hữu Trung nhập Niết-bàn. Không phải là người mất ở cõi Sắc, sinh cõi Sắc, vì trong cõi Sắc không có tai hại. Nếu là vị bản hữu, có chướng duyên còn lại thì không được Niết-bàn. Trung hữu cũng thế, vì trung hữu yếu kém, không phải bản hữu. Lại, trung hữu kia, nếu có phải thuộc Thượng lưu thì Trung nhập, Thượng lưu lẽ ra không có sai khác, nghĩa là nhất định không có nhân duyên sai khác. Có thể nói thế này: Chỉ mất ở cõi Dục, thọ trung hữu cõi Sắc, bèn nhập Niết-bàn, được Trung nhập, gọi là không mất ở cõi Sắc.

Vì sao Hữu học chưa lìa tham dục không có trung hữu nhập Niết-bàn?

Nghĩa là trung hữu cõi Dục dựa vào thân yếu kém, đối với nhiều sự nghiệp, không có khả năng, nên ở vị bản hữu, đối với pháp cõi Dục còn khó vượt qua, huống chi trong Trung hữu, có thể vượt qua cõi Dục, để đến được quả tương ứng.

Nhiều sự nghiệp. Nghĩa là vượt qua ba cõi và dứt trừ hẳn hai thứ phiền não gồm cả được chứng Nhị, Tam quả Sa-môn, ở vị Trung hữu không có công năng như thế. Lại, ở đây có trí chín phẩm phiền não sai khác, chưa thường tập trước đây. Lại, quả Bất hoàn v.v..., không phải là đặc của thân Trung hữu. Vì dứt hoặc tăng thượng mà chứng đắc, vì lìa nhiễm ba cõi, rất là khó khăn, nên không có Trung hữu cõi Dục, có thể nhập Niết-bàn.

Vì Trung hữu cõi Sắc đều khác với Trung hữu cõi Dục này, nên có người ở giữa được Niết-bàn.

Lại, Trung hữu của địa này được nhập Niết-bàn, chỉ khởi Thánh đạo hiện có trong địa này. Trung nhập Niết-bàn, ở vị Trung hữu của địa sơ tinh lự, chỉ khởi tinh lự căn bản của địa mình, Thánh đạo hiện tiền, không phải Vị chí, Trung gian, vì khó khiến hiện ở trước, ở vị trung hữu, nương tựa vào thân yếu kém, phải ở người dễ khởi, mới có thể hiện tiền.

Năm thứ này được gọi là hành cõi Sắc, hành Vô sắc có bốn sai

khác, nghĩa là ở cõi Dục là tham cõi Sắc. Từ cõi này qua đời, sinh lên Vô sắc. Sự sai khác trong đây, chỉ có bốn thứ, nghĩa là vì có sai khác Sinh nhập v.v... Một thứ này và năm thứ trước, thành sáu Bất hoàn. Lại có không hành cõi Sắc, Vô sắc tức ở nơi này có thể nhập Niết-bàn, gọi là Hiện nhập Niết-bàn và sáu thứ trước thành bảy. Hoặc nên tổng hợp chín thứ Bất hoàn, nghĩa là Hiện Niết-bàn chia làm hai thứ:

1. Đối với vị trước kia, khéo thực hành diệu chỉ của bậc Thánh.
2. Khi qua đời, mới có thể khéo thực hành xong.

Ở trong Thượng lưu, cũng chia làm hai thứ:

1. Hành cõi Sắc.
2. Hành cõi Vô sắc.

Và bốn trước thành tám, đủ chuyển sinh thành chín.

Nói chuyển sinh. Là đối với sinh trước, đã được quả Dự lưu hoặc quả Nhất lai. Đối với đời nay, mới được Bất hoàn. Nói Hiện nhập trước, chỉ gọi hiện đời mới được nhập Thánh, đến Niết-bàn. Hoặc người Bất hoàn do căn sai khác, tùy theo đối tượng thích ứng mà chia thành chín thứ, hoặc trong năm Bất hoàn hành cõi Sắc lại có môn khác chia thành chín thứ. Tụng rằng:

Hành cõi Sắc có chín

Tức ba đều chia ba

Nghiệp, hoặc, căn có khác

Nên thành ba, chín khác.

Luận nói: Tức năm thứ Bất hoàn hành cõi Sắc, lập chung làm ba, mỗi thứ chia làm ba thứ, nên thành chín thứ.

Ba thứ là Trung, Sinh, Thượng lưu có sai khác.

Ba thứ, đều chia làm ba là sao?

Trung nhập Niết-bàn chia làm ba. Nghĩa là đầu tiên khởi, đến chỗ sinh xa, gần, vì được nhập Niết-bàn có sai khác. Sinh nhập Niết-bàn chia làm ba: Vì vừa sinh, hữu hành, vô hành khác nhau. Đây đều là sinh rồi, được nhập Niết-bàn. Thế nên, đều gọi là Sinh nhập.

Trong Thượng lưu được chia làm ba, là siêu việt hoàn toàn, siêu việt phân nửa, và mất khắp, khác nhau. Nhưng đối với ba thứ và tất cả đều do nhanh chóng, không nhanh chóng trải qua thời gian lâu, được nhập Niết-bàn, nên chia làm chín thứ không lẫn lộn nhau.

Ba thứ, chín thứ Bất hoàn như thế, do nghiệp hoặc, căn tánh có sai khác mà có sai khác nhanh chóng, không nhanh chóng, trải qua thời gian lâu.

Chung thành ba do đã nhóm hợp trước kia, vì thuận theo khởi sinh

nghiệp đời sau có khác nhau, như thứ lớp đó, phẩm thượng, trung, hạ, phiên nào hiện hành có sai khác. Và căn hạ, trung, thượng có khác.

Ba phẩm này, mỗi phẩm như chúng thích ứng cũng có sai khác của nghiệp, hoặc, căn, đều có ba khác nhau, nên thành chín thứ. Nghĩa là phẩm đầu, thứ hai, ba, do hoặc, căn khác nhau, mỗi thành ba thứ, không phải do nghiệp khác nhau. Ba phẩm sau cũng do thuận nghiệp thọ sau có sai khác, chia thành ba loại nên nói Bất hoàn của sắc hành như thế, với nghiệp, hoặc, căn đặc biệt thành ba, chín khác nhau.

Nếu thế, vì sao trong các Khế kinh, Đức Phật chỉ nói có bảy cõi Thiên sĩ? Tụng rằng:

*Lập bảy cõi thiên sĩ
Do Thượng lưu không khác
Hành thiện không hành ác
Có đi không trở lại.*

Luận nói: Trung sinh đều có ba, Thượng lưu có một. Căn cứ theo đây, kinh lập ra bảy cõi Thiên sĩ.

Vì sao hai phẩm trước đều chia làm ba, Thượng lưu thứ ba chỉ lập làm một?

Vì hành trên, nên gọi là Thượng lưu, do nghĩa này đồng, nên chỉ lập một. Hai thứ trước dù cũng đồng nghĩa, nhưng vì tướng riêng trong đó khó hiểu rõ. Vì muốn cho dễ hiểu, nên đều chia làm ba. Thượng lưu có ba tướng riêng, dễ hiểu rõ, không phiên ở tướng kia lại lập riêng. Lại, hai thứ trước khác nhau, chỉ có ngần ấy. Vì dễ biểu thị, nên đều chia làm ba. Về nghĩa riêng của Thượng lưu thứ ba có nhiều thứ, rất khó biểu thị, nên lập chung một, nghĩa là Trung Bất đầu tiên chỉ ở sắp sinh, phẩm hoặc, căn khác, nên chia làm ba thứ.

Sinh nhập thứ hai chỉ ở đã sinh, cũng vì căn, hoặc khác, nên chia thành ba thứ: Thượng lưu đều có, sắp sinh, đã sinh. Thượng lưu sắp sinh lại có hai thứ, là ở tĩnh lự, tu tập, không tập, Thượng lưu đã sinh được chia làm hai cũng như thế.

Lại trong hai Thượng lưu như thế, nếu không có tu tập, chấp nhận sinh ở hai cõi: Nếu có tu tập, thì chỉ sinh ở một cõi. Sinh ở một cõi lại chia làm ba. Siêu việt hoàn toàn, siêu việt phân nửa, và siêu việt biến khắp.

Trong siêu việt phân nửa, sai khác có nhiều, do tướng riêng của Thượng lưu này, nhiều, rộng nên nếu mỗi việc đều nói, thì khó có thể xong. Do đó, căn cứ ở nghĩa bằng nhau, để lập chung Thượng lưu. Trong vị Trung, Sinh nghĩa sai khác ít vì dễ biểu thị, nên chia làm sáu. Dù

mỗi mỗi Trung, Sinh kia cũng có nghĩa đồng, nhưng thứ ba bằng nhau. Trong Thượng lưu dù có nghĩa khác, nhưng hai thứ trước đồng nhau, vì làm rõ nhau, nên chỉ lập bảy. Chỉ bảy vị này đã dứt trừ tham, giận, của cõi Dục, không phải pháp của Thiện sĩ và quả Đại thiện sĩ Vô học rất gần nhau.

Kinh chỉ nói bảy vị này gọi là cõi Thiện sĩ, không phải cho rằng Dự lưu và người Nhất lai, đều không thể nói là cõi Thiện sĩ. Đức Phật cũng nói những người kia được gọi là Thiện sĩ, như Khế kinh nói: thế nào là Thiện sĩ? Nghĩa là nếu thành tựu chánh kiến Hữu học, cho đến thành tựu chánh định Hữu học. Đi đến cõi trên, gọi là hưởng, nghĩa là hưởng đến quả trên và cõi trên, vì sinh nên chỉ nói bảy. Hoặc chỉ bảy sinh này đều có thể hành thiện, không hành bất thiện. Sinh khác thì không đúng.

Lại, chỉ bảy sinh này, đi đến sinh cõi trên, không còn trở lại. Vì sinh khác thì không đúng, nên chỉ căn cứ ở bảy sinh này để lập cõi Thiện sĩ.

Đối với người ở vị Thánh, từng trải qua sự sinh, cũng có những tướng sai khác này ư? Không đúng thì thế nào? Tụng rằng:

Qua cõi Dục, sinh Thánh

Không qua cõi khác sinh

Đây và đến sinh trên

Không luyện căn lui sụt.

Luận nói: Nếu ở địa vị Thánh, sinh qua cõi Dục, tất nhiên không sinh qua cõi Sắc, Vô sắc. Do bậc Thánh kia chứng được quả Bất hoàn rồi, chắc chắn nhập Niết-bàn ngay hiện đời. Nếu người ở cõi Sắc, trải qua sinh Thánh, thì chấp nhận có nghĩa sinh cõi Vô sắc trên. Tuy nhiên, trời Đế Thích nói thế này: Nghe nói có vị trời tên Sắc Cứu Cánh. Sau khi ta lui sụt, sẽ sinh lên cõi trời đó. Nghĩa là do Đế Thích kia vì không hiểu rõ tướng pháp đối. Nói sau ta, nghĩa là trời Ba mươi ba, bờ mé sau cùng của dị thực Tự tại. Nói lui sụt. Nghĩa là vào thời gian sau, nếu không chứng được quả A-la-hán, thì sẽ sinh lên tầng trời đó, nghĩa là nguyện sẽ sinh lên cõi trời Sắc Cứu Cánh, chờ sinh cõi Dục. Vì trời Đế Thích duyên năm tướng chết, sinh rất buồn khổ, đến quy kính Đức Thế Tôn, thì tướng chết vừa dứt trừ, bèn nói như thế để khiến cho vui mừng.

Lại quan sát ngăn dứt cõi Dục kia, vì không có nhiều ích lợi, Đức Phật không ngăn dứt, tức Đế Thích này đã trải qua sinh cõi Dục và đã từ cõi này đi qua sinh cõi trên, các Thánh tất nhiên không có rên luyện căn và lui sụt.

Vì sao không thừa nhận trải qua sinh cõi Dục và cõi trên sinh bậc Thánh có luyện căn và lui sụt?

Vì từng trải sinh lên tự nối tiếp nhau, có chứa nhóm Thánh đạo rất vững chắc và vì được thân là chỗ dựa vượt hơn. Do các cõi này, Thánh kia không có lý luyện căn, lui sụt.

Thuyết trước đã nói Thượng lưu tu tập tinh lự làm nhân, có thể đi qua trời Sắc Cứu Cánh. Trước kia, lẽ ra phải tu tập tinh lự nào? Do những vị nào biết tu tập thành. Lại, vì sao tu tập tinh lự? Tụng rằng:

*Trước, tu tập thứ tư
Thành do một niệm tập
Vì thọ sinh hiện lạc
Và ngăn phiền não lui.*

Luận nói: Đối với người tu tập bốn tinh lự cõi Dục, tất nhiên, trước tu tập tinh lự thứ tư, vì đẳng trì kia rất có công năng đảm đương. Các lạc hiện hành trong đó, tinh lự thứ tư rất cao sâu, nghĩa là tinh lự kia rất có khả năng, lúc hiện ở trước, khiến cho thế lực tự thể của đối tượng nương tựa, được tăng trưởng rộng lớn. Nếu dựa vào thế lực đó, tu tập tinh lự, về sau, dù có lui sụt, sinh trong cõi trời khác, nhưng do sức tu tập vào thời gian trước, lại có thể dựa vào đó tu tập tinh lự. Tức do lý này, trong các hành của tinh lự thứ tư thì lạc là hơn hết, vì lạc khinh an ở tinh lự này rất là thượng diệu.

Ai ở tinh lự có thể huân tu tập?

Chỉ các bậc Thánh có cả Hữu học, Vô học. Ở vị Hữu học chỉ có Tín giải, Kiến chí. Ở vị Vô học có cả Thời, Phi thời. Tất nhiên trước ở ba châu tu tập tinh lự, lui sụt sinh cõi Sắc, cũng có thể tu xen lẫn.

Há không là người tu tập các tinh lự, ắt hẳn trước đã lìa tham của ba tinh lự ; sao có thể nói tu tập tinh lự, thông qua Kiến chí mà thành Thượng lưu?

Nghĩa là phải nhân gian tu tập định rồi. Về sau, lui sụt ba định, sinh lên tầng trời Phạm chúng. Ở tầng trời ấy, lại phải lìa nhiễm ba định, mới có khả năng khởi lần nữa tu tập tinh lự. Từ tầng trời kia mất rồi, là sinh Tịnh cư, mới gọi là Thượng lưu, như trước đã nói chứ không phải các Kiến chí có thể có lý này.

Người kia đối với lìa nhiễm, tất nhiên không lui sụt, nên không có lỗi như thế. Người kia từ trước đến nay, trụ ở căn tính Kiến chí không được thừa nhận. Nghĩa là người kia, trước trụ ở chủng tánh Tín giải, tu tập tinh lự, sau đó lui mất, họ sợ thời gian sau, lại có lui sụt nữa, bèn tu luyện căn, thành tánh Kiến chí. Từ cõi Dục mất, sinh lên cõi Sắc, nương

vào trước kia mà tiếp tục lại có khả năng tu tập tĩnh lự. Cho nên, sáu loại tánh đều có Thượng lưu.

Khi tu tập, hành phương tiện thế nào?

Hành giả trước, nhập tĩnh lự thứ tư, nhiều niệm nối tiếp nhau vô lậu hiện tiền, từ đây dẫn sinh nhiều niệm hữu lậu. Sau, lại nhiều niệm vô lậu hiện ở trước. Như thế, xoay vần sau giảm dần, cho đến hai niệm vô lậu sau cùng. Kế là, dẫn hai niệm hữu lậu hiện tiền, vô gián lại sinh hai niệm vô lậu, gọi là gia hạnh tu tập định hoàn thành viên mãn. Từ đây về sau, không do công sức, tự nhiên chỉ từ một niệm vô lậu, dẫn khởi một niệm hữu lậu hiện ở trước, vô gián lại sinh, một niệm vô lậu.

Như thế, trung gian hữu lậu, sát-na trước, sát-na sau, vì vô lậu xen lẫn, nên gọi là tu tập định căn bản viên thành.

Như thế, tu tập định thứ tư rồi. Nhân thế lực của định này, tùy theo đối tượng thích ứng với định kia, cũng có khả năng tu tập ba tĩnh lự của địa dưới. Tu tập tĩnh lự lấy năm uẩn làm thể. Nhưng các trí thế tục ở trong đây là tám trí: bốn Pháp, bốn Loại đã tu tập.

Có sư khác nói: Các trí thế tục chỉ là khổ, tập Loại trí tu tập, vì hai trí đó duyên theo khổ, tập này làm cảnh.

Nếu vậy, thì sẽ không chấp nhận nhiều trí vô lậu hiện tiền, xen lẫn, thì không nên nói tĩnh lự này do trí xen lẫn? Nên được tự tại tu tập tĩnh lự lẽ ra không viên thành! Tĩnh lự này không từ Loại-Pháp diệt, đạo khác, Pháp trí khổ, tập vô gián mà sinh và vì vô gián sinh các trí kia. Tu tập tĩnh lự lược có ba duyên:

1. Vì thọ sinh.
2. Vì hiện lạc.
3. Vì ngăn chặn khởi phiền não làm lui sụt.

Nghĩa là trong Bất hoàn, nếu các Kiến chí, tu tập tĩnh lự thì tức là hai duyên trước: Thọ sinh và Hiện lạc

Thọ sinh: Nghĩa là mong cầu sinh nơi tốt đẹp nhất. Chán nơi sinh chung, thích nơi sinh riêng (bất cộng).

Hiện lạc: Nghĩa là ưa thích định thù thắng, là định thế tục rất có công năng giúp đỡ thân. Do định này có khả năng khiến cho hiện pháp lạc trụ, vô lậu trước, sau, làm giúp đỡ cho thân kia.

Nếu các Tín giải làm hai duyên trước thì cũng vì ngăn chặn đề phòng khởi phiền não làm cho lui sụt. Nghĩa là người căn tánh chậm chạp khởi hai vô lậu, phương tiện giữ gìn đẳng trì thanh tịnh, khiến cho vị tương ứng với đẳng trì chuyển biến xa, không để cho tịnh bị nhiễm. v...vô gián duyên vào. Cho nên, loại A-la-hán Bất thời giải thoát, chỉ

là hiện lạc tu tạp tính lự. Còn Thời giải thoát vì mong cầu hiện lạc nên cũng vì ngăn chặn khởi phiền não làm cho lui sụt.

Nếu tu tạp tính lự, vì sinh năm tầng trời Tịnh cư. Vì sao xứ Tịnh cư chỉ có năm? Tụng rằng:

Do tu tạp năm phẩm

Sinh có năm Tịnh cư.

Luận nói: Do huân tu tạp tính lự thứ tư có năm phẩm, nên Tịnh cư chỉ có năm. Những gì là năm?

Năm phẩm là hạ, trung, thượng, thắng thượng, và cực thượng. Trong đây, phẩm đầu có ba tâm hiện tiền, ấy là được thành tựu viên mãn. Nghĩa là vô lậu đầu tiên; kế là khởi hữu lậu; sau khởi vô lậu.

Phẩm trung thứ hai, với sáu tâm hiện ở trước, mới được thành tựu viên mãn. Nghĩa là hai hữu lậu tu xen lẫn với bốn vô lậu.

Như thế, các phẩm còn lại theo thứ tự của các phẩm mà có chín, mười hai, mười lăm tâm niệm, như phải hiện tiền, mới được thành tựu viên mãn.

Như thế, năm phẩm tu tạp làm nhân, như thứ tự có thể chiêu cảm quả năm tầng trời Tịnh cư.

Như thế, mười lăm tâm hữu lậu, vô lậu, đều là tâm mà từ trước, chưa từng được, nay mới được.

Có sư khác nói: Năm vô lậu đầu tiên, là năm vô lậu mà từ trước đến nay chưa được, nay được. Mười vô lậu còn lại, đều là tâm từng đã được. Năm vô lậu trước, lúc hiện tiền rồi, vì tu vị lai, nên có khi không khởi quyết định tu tạp thành tựu viên mãn, có khi phải thường khởi mới được viên thành.

Có sư khác nói: Do năm căn như tín căn v.v... theo thứ lớp tăng thượng chiêu cảm năm tầng trời Tịnh cư, nghĩa là hoặc có lúc tín căn tăng thượng, tu tạp tính lự, đôi khi cho đến tuệ căn tăng thượng, tu tạp tính lự, tùy theo sự sai khác này, chiêu cảm năm tầng trời Tịnh cư.

Đối với chiêu cảm Tịnh cư là sức của nghiệp, hay sức của tu tạp? Nếu là sức của nghiệp thì tu tạp tính lự, thành vô ích. Nếu là do sức tu tạp, thì sẽ trái với Phẩm Loại Túc Luận đã nói. Như luận ấy nói: tu tạp tính lự và do nghiệp, nên sinh lên tầng Tịnh Cư, các tên Sở hữu xứ v.v... không phải là pháp phàm phu.

Có thuyết nói: Do sức của nghiệp chiêu cảm trời Tịnh cư, nhưng tu tạp tính lự không là vô ích. Vì tu hành, và tư của nghiệp kia hiện tiền, nên có sư khác nói: Là do sức tu tạp mà không trái với văn Phẩm Loại Túc Luận. Luận kia trước nói về người tu tạp định, vì chứng tỏ lúc trước

đã nhập định kia. Kế sau lại nói vì do nghiệp, nên sinh Tịnh cư, tức chỉ rõ thời gian sau, do sức nghiệp sinh lên trời Tịnh cư.

Trong đây, quyết định đều có do hai sức, hễ thiếu bất cứ một sức nào thì không sinh trời Tịnh cư kia. Nhưng chỉ hữu lậu chiêu cảm dị thực của trời kia, không phải vì sức vô lậu trái bỏ hữu.

Kinh nói Bất hoàn còn gọi là Thân chứng. Căn cứ ở đức thù thắng nào mà gọi là Thân chứng? Tụng rằng:

Bất hoàn đắc diệt định

Chuyển gọi là Thân chứng.

Luận nói: Có diệt định được gọi là đắc diệt định. Tức là nếu người Bất hoàn ở trong thân đạt được diệt định, thì được chuyển tên là Thân chứng. Do người Bất hoàn thân chứng, được pháp tương tự Niết-bàn, nên gọi là Thân chứng.

Sao nói diệt định kia chỉ gọi là Thân chứng? Vì không có tâm, dựa vào thân sinh. Vì thân đều có thể lực sinh đắc, nên vị đã diệt kia, cũng gọi là đắc Thân chứng.

Trong đây, Kinh chủ nói thế này: Về lý, thật ra phải nói người Bất hoàn kia từ vị diệt định khởi được pháp trước đây chưa được và có thân thức vắng lặng, bèn tư duy: Diệt tận định này rất vắng lặng, rất giống với Niết-bàn. Như thế, vì sự vắng lặng của thân chứng đắc, nên gọi thân chứng. Do đắc và trí chứng đắc hiện tiền, mà thân vắng lặng.

Nay, cho rằng người Bất hoàn kia tuy từ vị diệt định khởi lên được pháp trước đây chưa được, có thân thức vắng lặng, mà không phải chỉ địa vị này mới được gọi là Thân chứng, hai thời gian trước, sau đều có mới được gọi là Thân chứng. Do đó, thiết lập không duyên nơi diệt định mà vì thế lực của trí và đắc nên đặt tên là Thân chứng.

Thế nên, thuyết trước nói lý tốt hơn. Vì nêu phần sau, nên chỉ nói lời này: Được diệt định Bất hoàn chuyển tên là Thân chứng. Về lý, thật sự Thân chứng đối với tám giải thoát đều được đầy đủ. Do thân chứng trụ dùng Diệt tận định, dùng giải thoát khác làm môn, mà vì nhập nên được diệt định thì chắc chắn cũng được giải thoát khác. Như Khế kinh nói: Lúc nhập diệt định, trước diệt ngôn hành, cho đến nói rộng.

Vì sao Phật nói ruộng phước Hữu học, Bất hoàn Thân chứng, không được dự trong số đó? Nghĩa là Đức Thế Tôn bảo Trưởng giả Cấp Cô Độc: Nay Trưởng giả! Phải biết Phước điền có hai: 1. Hữu học. 2. Vô học.

Hữu học có mười tám, Vô học chỉ có chín. Mười tám Hữu học: hưởng Dự lưu, quả Dự lưu, hưởng Nhất lai, quả Nhất lai, hưởng Bất

hoàn, quả Bất hoàn, hương A-la-hán, Tùy tín hành, Tùy pháp hành, Tín giải, Kiến chí, Gia gia, Nhất giác, Trung, Sinh, Hữu hành, Vô hành, Thượng lưu. Đó gọi là mười tám.

Chín thứ Vô học là pháp thoái, pháp tư duy, pháp hộ, pháp an trụ, pháp kham đạt, pháp bất động, pháp bất thoái, tuệ giải thoát, Câu giải thoát. Đó gọi là chín.

Về lý, lẽ ra cũng nói Bất hoàn thuộc hành Hữu học, mà không nói là vì Đức Phật xét thấy Hữu học, Vô học, do đoạn và căn có tốt hơn, sinh quả tốt đẹp hơn, gọi là Phước điền, còn Bất hoàn tuy đã được diệt định nhưng là hữu lậu, nên không thể nói. Vì tự tánh giải thoát, nên gọi là thanh tịnh. Thân, đối tượng nương tựa kia vẫn có phiền não chưa dứt hẳn, nên không thể nói. Vì giải thoát nối tiếp nhau, nên gọi thanh tịnh. Vì thế, nên không căn cứ thành Bất hoàn kia, để lập trong số Phước điền Hữu học. Công đức hữu lậu trong vị Vô học, dù không thuộc về tự tánh giải thoát, mà vì giải thoát nối tiếp nhau, nên gọi thanh tịnh. Do đó cũng có khả năng sinh quả tốt hơn. Thế nên, căn cứ ở định, và sự sai khác căn, nhằm nói chín Ứng quả, đều gọi ruộng phước. Hoặc Bất hoàn không dựa vào nhân Hữu học, nên không được dự trong số ấy.

Thế nào là kiến lập Hữu học dựa vào nhân của nó?

Nghĩa là Tam học vô lậu và quả Diệt định không phải Hữu học, cũng không phải quả Hữu học, nên không căn cứ thành diệt định mà nói sự sai khác của Hữu học. Nhưng nay, trong vị Bất hoàn này, căn cứ không có môn khác mà mật thuyết thân chứng. Nếu khác với đây, thì không nên chỉ nói “Bất hoàn được diệt định chuyển tên là Thân chứng (nghĩa này, về sau, sẽ phân biệt lại).

Nếu nói Thân chứng gồm căn cứ môn khác, tức trên đã nói, không phải lời đáp khéo léo. Vì ba giải thoát của Vô sắc cũng có cả vô lậu.

Đã nói sự sai khác tướng thô của Bất hoàn. Nếu phân tích về tướng vi tế thì số sẽ thành nhiều ngàn. Trong đây, lại dựa vào hành cõi Sắc có năm. Căn cứ năm môn phân biệt của các địa v.v..., Nghĩa là năm căn cứ ở số địa, thành hai mươi bốn. Vì trong địa định, đều có năm thứ, nên có năm. Căn cứ vào số chủng tánh thành ba mươi sáu. Vì trong chủng tánh đều có năm thứ, nên năm. Căn cứ vào số xứ sinh, thành tám mươi. Vì trong mười sáu xứ, đều có năm thứ. năm căn cứ số căn chủng tánh thành chín mươi, nghĩa là chủng tánh thối pháp, căn cơ thượng trung hạ, vì có khác nhau nên số thành mười lăm cho đến chủng tánh Bất động cũng thế, năm y cứ số chủng tánh của địa thành một trăm hai mươi, nghĩa là trong bốn địa, mỗi địa đều có ba mươi.

Năm căn cứ ở số căn chủng tánh của địa, thành ba trăm sáu mươi, nghĩa là trong bốn địa, mỗi địa thành chín mươi.

Năm căn cứ ở số chủng tánh của chỗ sinh, thành bốn trăm tám mươi, nghĩa là mười sáu xứ, mỗi xứ đều có ba mươi.

Năm căn cứ ở chủng tánh của xứ sinh và số căn, thành một ngàn bốn trăm bốn mươi, nghĩa là mười sáu xứ, mỗi xứ đều có chín mươi.

Năm căn cứ ở tích số căn chủng tánh của xứ lìa nhiễm, tổng cộng là một vạn hai ngàn chín trăm sáu mươi Bất hoàn sai khác, nghĩa là dùng chín phẩm lìa nhiễm không đồng, nhân với một ngàn bốn trăm bốn mươi ở trước.

Đã nói về sự sai khác của hương quả thứ ba, kể nên kiến lập hương quả thứ tư. Tụng rằng:

*Trong tu hoặc cõi trên
Đoạn một phẩm sơ định
Đến tám phẩm Hữu đẳng
Đều hướng A-la-hán.
Đạo Vô gián thứ chín
Gọi Kim cương dụ định
Tận đắc cùng Tận trí
Thành quả ứng Vô học.*

Luận nói: Tức người Bất hoàn, tiến đến dứt trừ hoặc do Tu đạo đoạn ở cõi Sắc và cõi Vô sắc.

Từ đoạn một phẩm sơ định là đầu tiên, đến dứt trừ tám phẩm Hữu đẳng là sau, nên biết chuyển gọi Hương A-la-hán, Tức ở đây đạo Vô gián thứ chín đoạn hoặc Hữu Đẳng trong hương A-la-hán, cũng được gọi là Kim cương dụ định. Định này bền vững dụ như Kim cương, không có một tùy miên nào mà không thể phá bỏ. Vì trước đó đã phá, nên không phá vỡ tất cả, thật ra có công năng có thể xua tan hết thủy. Kim cương này đã có thể chiết phục phẩm hoặc rất nhỏ nhiễm, nên biết trong tất cả đạo Vô gián, chỉ sát-na này, gọi là phẩm trên cùng, có thể dứt trừ hẳn tất cả tùy miên. Mặc dù trong Kiến đạo, cũng có vô lậu đối trị, có công năng dứt phiền não Hữu đẳng, nhưng chín phẩm hoặc kia có thể dứt một phẩm, biết thế lực phiền não của phẩm kia yếu kém, Kiến đạo bị hoặc yếu kém đối trị, biết không phải có thể xua tan tất cả tùy miên. Nếu có công năng xua tan, thì nào ngại gì không phá, nên Kiến đạo kia không được gọi là Kim cương dụ định.

Lại, trong các tùy miên không có sự nào là dễ đoạn. Kiến đạo trị sự tùy miên đó, biết không phải trên cùng. Do đó, không đặt tên Kim

cương dụ.

Trong đây, nói về Kim cương dụ định, có công năng đối trị tất cả phẩm khó dứt, ở đời sau cùng. Trong hoặc có sự, nên biết công năng phá tất cả tùy miên. Do sức kim cương này, có công năng chứng đắc vô lậu, ly hệ đoạn tất cả hoặc trong khoảng một sát-na,

Như thế, là nói Kim cương dụ định, chỉ tương ứng thuận theo một và sáu trí, nghĩa là bốn Loại trí, diệt, đạo Pháp trí duyên mười sáu hành tướng của bốn Thánh đế, nương tựa chung chín địa. Về nghĩa, vì so sánh đã thành, nên sự sai khác này nói có nhiều thứ. Vả lại thuộc Vị chí có năm mươi hai. Nghĩa là Loại trí khổ, tập quán khổ, tập Hữu đánh tạo ra các hành tướng như nhân v.v..., vô thường v.v..., cùng với hành tướng tương ứng sai khác kia thành tám. Pháp trí diệt, đạo quán diệt, đạo cõi Dục, tạo ra các hành tướng như đạo v.v..., diệt như tĩnh v.v... cùng với hành tướng tương ứng sai khác cũng có tám. Loại trí diệt đối với diệt của tám địa, mỗi quán riêng, tạo bốn hành tướng, tương ứng với hành tướng đó thành ba mươi hai. Loại trí đạo đối với đạo của tám địa, tất cả quán chung tạo ra bốn hành tướng, cùng với hành tướng tương ứng sai khác thành bốn. Vì trị tám địa, Loại trí phẩm đạo thì đồng loại nhân nhau, tất nhiên duyên chung. Diệt chỉ duyên riêng, còn đạo thì không như vậy.

Về phẩm tùy miên đã thành lập đủ. Như thuộc về Vị Chí có năm mươi hai, trung gian, bốn tĩnh lự, nên biết cũng như thế. Không vô biên xứ có hai mươi tám, nghĩa là trừ tám phẩm Pháp trí diệt đạo và quán diệt đế của bốn địa dưới, đều có bốn hành tướng tương ứng với mười sáu. Do dựa vào Vô sắc, tất nhiên không có Pháp trí và vì duyên phẩm diệt Loại trí của địa dưới, nên duyên đạo của địa dưới, về lý, không ngăn dứt, đạo thì duyên chung như trước đã giải thích, còn lại như trước, nên có hai mươi tám. Thức vô biên xứ, có hai mươi bốn, vô sở hữu xứ chỉ có hai mươi, nghĩa là xứ đó trước sau dứt trừ quán bốn, tám hành tướng, cảnh của diệt Thánh đế của địa dưới. Tùy theo thứ lớp của các hành tướng đó so với trước, nên giải thích.

Các người muốn cho địa của ba Vô sắc, có duyên diệt Loại trí của địa dưới, nói thế này: Không vô biên xứ thêm mười sáu trước, Thức vô biên xứ thêm hai mươi trước, Vô sở hữu xứ thêm hai mươi bốn.

Như thế, nói chung căn cứ địa Vô sắc, Kim cương dụ định có bảy mươi hai thứ, hoặc lại nói có một trăm ba mươi hai.

Có sự khác nói: Phẩm Đạo Loại trí đối với đạo tám địa cũng đều quán riêng, nên sáu địa trước, mỗi địa đều có tám mươi. Không vô biên

xứ chỉ có bốn mươi, Thức vô biên xứ có ba mươi hai, Vô sở hữu xứ có hai mươi bốn.

Lại, các người muốn cho phẩm Diệt Loại trí, đối với diệt của tám địa, có quán chung, riêng, nên trong sáu địa trước, mỗi địa có một trăm sáu mươi bốn. Không vô biên xứ chỉ có năm mươi hai, Thức vô biên xứ có ba mươi sáu, Vô sở hữu xứ có hai mươi bốn.

Các giải thích kia đều phi lý, vì đạo, tất nhiên duyên chung, diệt chỉ duyên riêng (trước đã nói).

Tôn giả Diệu Âm nói như thế này: Kim cương dụ định gồm có mười ba, nghĩa là dứt hoặc do Kiến-Tu đạo đoạn của Hữu đẳng. Đạo Vô gián gồm mười ba sát-na.

Cách giải thích này cũng không đúng, vì bốn loại Nhãn, tám đạo Vô gián trước kia, không phải là phẩm trên cùng. Định này đã có thể dứt phẩm hoặc thứ chín của địa Hữu đẳng, dẫn hoặc này cùng tận, được câu hành với Tận trí khiến cho khởi Kim cương dụ định là đạo Vô gián sau cùng trong dứt hoặc này đã sinh Tận trí, là đạo Giải thoát sau cùng trong dứt hoặc này, nên nói định này đã dẫn Tận trí, và được cùng khởi tận trừ phẩm thứ chín.

Hoặc nói Tận ở đây, là chỉ rõ tất cả tận cùng, nghĩa là phẩm thứ chín và đối tượng hoặc còn lại, đều được trạch diệt, nên gọi là tận. Kim cương dụ định, có khả năng dẫn đến đạt được các hoặc. tận trừ và làm cho phát khởi Tận trí đều cùng hiện hành. Tận trí này là trí đạt được tận trừ tất cả phiền não, vì đầu tiên đều cùng sinh, nên gọi là Tận trí.

Có sư khác nói: Hoặc chấm dứt trong thân. Vì sinh đầu tiên này, nên gọi Tận trí.

Tận trí như thế, đến lúc đã sinh, ấy là trở thành quả A-la-hán Vô học. Đã được Vô học tương ứng pháp quả nên làm được quả riêng, pháp tương ứng tu học ở đây không có nên được gọi là Vô học. Há không là Vô học cũng mong cầu quả riêng, vì người Vô học, cũng chuyển căn?

Vấn nạn này không đúng, vì như Hữu học trước kia, cầu được quả riêng, Vô học đây không như thế. Nghĩa là như Dự lưu không phải Nhất lai v.v..., khi được quả Nhất lai sau xả tên Dự lưu được gọi Nhất lai đều xả quả riêng, được tên quả riêng. Vô học này không như vậy. Lui sụt, không phải Tư v.v... Về sau, khi đạt được Tư pháp v.v..., dù bỏ tên Lui sụt v.v..., được gọi Tư pháp v.v... nhưng không phải bỏ quả riêng, được tên quả riêng, vì trước, sau đều gọi A-la-hán. Chỉ là khi bỏ quả trước thì được quả riêng, bỏ tên quả trước, được gọi quả riêng. Lại, không có quả riêng là điều nên học, nên gọi là Vô học. Cách giải thích trước không

có lỗi. Tức là người hành hưởng trụ ở quả trước cầu quả của tên riêng là không có nghĩa.

Đã nói Tận trí, đến khi đã sinh bèn thành quả A-la-hán Vô học. Về nghĩa, so sánh Tận trí khi chưa sinh, đã sinh, mà bảy bậc Thánh trước, đều gọi là Hữu học. Vì được quả riêng, siêng năng tu học, nên trụ ở vị bản tánh.

Sao gọi Hữu học?

Vì ý học chưa mãn, vì học được thường theo.

Vì sao Vô học gọi là A-la-hán?

Các hạnh lợi mình, tu học đã thành, chỉ thuận theo làm ích lợi cho người khác. Như Khế kinh nói: Không tự điều phục, mà điều phục được người khác, thì không có việc này. Hoặc có ba thứ Bồ-đặc-già-la, nghĩa là phạm phu, Hữu học, Vô học. Phạm phu dù học ba môn giới, định, tuệ, nhưng cũng chưa có thể kiến đế như thật, chấp nhận có bổ chánh, tạo ra lý tà học, nên không ở phạm phu kia đặt tên Hữu học.

Các người đã có khả năng kiến đế như thật, chánh học không lui sụt, được gọi là Hữu học.

Do đó, Đức Thế Tôn vì chỉ rõ nghĩa nhất định, đối với người Hữu học, nói lại lời nói Hữu học, như trong Khế kinh, Phật bảo: “Này Đãm Phạ! Học cái nên học, học điều nên học! Ta chỉ nói đây gọi là người Hữu học. Đối với người đã học tốt ba môn giới, định, tuệ không học lại nữa, gọi là Vô học”.

Đây là tất cả phạm phu Hữu học. Vì đáng được cúng dường, nên gọi là Ứng quả. Căn cứ ý nghĩa như thế, nên có bài tụng rằng:

Đối ba giới, định, tuệ

Nếu đã khéo tu học

Rốt ráo lìa cấu lo

Xứng đáng ruộng phước đời.

Thế nào là pháp Học? Là pháp hữu vi vô lậu của người Hữu học

Pháp Vô học là sao? Pháp hữu vi vô lậu của người Vô học. Mặc dù các pháp vô vi là vô lậu, nhưng không gọi là pháp Hữu học, Vô học, vì trong thân của người đắc pháp vô vi và phạm phu v.v... cũng thành tựu. Nếu không có đắc, thì đều không lệ thuộc Hữu học, Vô học.

Như thế, Hữu học và Vô học, cộng chung thành tám Thánh Bồ-đặc-già-la: Hành Hưởng, trụ Quả mỗi thứ có bốn. Tuy tên gọi có tám, nhưng sự chỉ có năm, nghĩa là trụ bốn quả và hưởng sơ quả. Do hưởng ba quả sau, không lìa quả trước. Đây là nói theo người được quả lần lượt. Nếu là người lìa dục gấp bội, lìa dục hoàn toàn, trụ trong Kiến đạo,

gọi là Nhất lai.

Hướng quả Bất hoàn, không thuộc về quả trước. Vì sao Tận trí chỉ là Vô học? Các vị Hữu học cũng tự biết rõ, vì ta đã dứt hẳn địa ngục v.v... Điều này trước đã nói. Trước nói là sao? Nghĩa là Tận, Đắc cùng có, mới gọi Tận trí. Vì Dự lưu v.v... cũng còn hoặc, đã không có Tận, Đắc cũng không có Tận trí. Do đó, Khế kinh nói như thế này: Các vị Hữu học thành tựu tám chi. Nếu thành mười chi, thì gọi A-la-hán.

Nếu vậy, thì sao Tôn giả Xá-lợi-tử bảo Đại Trưởng giả Cấp Cô Độc: Ông đã thành tựu đủ chánh trí, chánh giải thoát mà không có lỗi sai trái? Vì dựa vào sự thành tựu kia có khả năng tiến đến giải thoát các tà trí, cội tà ác. Vì mật ý nói đạo đối trị chân thật.

Nếu vậy, sao không nói Hữu học thành mười chi? Vì còn vô trí nên tâm chưa khéo giải thoát.

Nếu vậy, thì vì sao kinh nói rằng: Các người thành tựu chứng tịnh của Phật, tất cả đều gọi là “đã được chánh kiến”, cho đến “đã được chánh giải thoát”, người kiến viên mãn cũng nói như thế, cũng không có lỗi trái. Vì sao? Vì tôi không nói các người Hữu học không có chánh trí và chánh giải thoát. Chỉ nói rằng: Hữu học không lập chi, không lập nhân chi, như trước đã nói.

